

HỢP TÁC XÃ NHÂN LÒNG PHƯƠNG THƯỢNG

Địa chỉ: Thôn Phương Thượng, Xã Tân Hưng, Tỉnh Hưng Yên

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số 2901... ngày 14/10/2026
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC...
	Phòng... Sao...

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

TCB: 01/HTXNLPT/2026

SẢN PHẨM
MẬT ONG

Hưng Yên, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/HTXNLPT/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên cơ sở: Hợp tác xã Nhãn lồng Phương Thượng

Địa chỉ: Thôn Phương Thượng, Xã Tân Hưng, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0912.699.378

Mã số doanh nghiệp: 0901035720 (Đăng ký lần đầu, ngày 28 tháng 05 năm 2018, Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 07 tháng 04 năm 2026)

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Số 05/2025/NNPTNT-HY, cấp ngày 23 tháng 1 năm 2025 do Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản tỉnh Hưng Yên cấp

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Mật ong

2. Thành phần: Mật ong hoa nhãn (100%)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói bên trong chày thủy tinh có thể tích thực 500ml, 1L và theo yêu cầu khách hàng.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói trong chày thủy tinh đảm bảo an toàn, không thôi nhiễm các chất độc hại từ bao bì gây ảnh hưởng đến ATTP trong suốt quá trình vận chuyển và bảo quản theo Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên: Hợp tác xã Nhãn lồng Phương Thượng

- Địa chỉ: Thôn Phương Thượng, Xã Tân Hưng, Tỉnh Hưng Yên

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn dự kiến đính kèm tại phụ lục).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Hợp tác xã Nhãn lồng Phương Thượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

4.1 Chỉ tiêu cảm quan (Theo TCVN 12605:2019)

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Màu nâu cánh gián
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng không có mùi lạ
3	Vị	Vị ngọt đậm, không có vị lạ
4	Trạng thái	Mật ong dạng dung dịch sánh, sệt, đựng trong chai thủy tinh

4.2 Chỉ tiêu dinh dưỡng (Theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 01:2026/HTXNLPT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	$306 \pm 20\%$
2	Carbohydrate	g/100g	$76.2 \pm 20\%$
3	Natri	mg/100g	$1.90 \pm 20\%$
4	Protein	g/100g	$0.31 \pm 20\%$
5	Lipid	g/100g	ND

4.3 Chỉ tiêu kim loại nặng (Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Arsen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	$\leq 1,0$
3	Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 2,0$
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

4.4 Chỉ tiêu hóa lý (Theo TCVN 12605:2019)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Hàm lượng nước	%	≤ 23
2	Hàm lượng đường		
	- Tổng hàm lượng fructose và glucose	g/100g	≥ 60
	- Hàm lượng sucrose	g/100g	≤ 5
	- Hàm lượng đường C-4	%	≤ 7

3	Hàm lượng hydroxymethylfurfural	mg/Kg	≤ 80
4	Hoạt lực diastasa	Schade	≥ 8
5	Độ axit tự do	meq/1000g	≤ 50
6	Độ dẫn điện	mS/cm	≤ 8
7	Hàm lượng chất rắn không tan trong nước	g/100g	$\leq 0,1$

4.5 Chỉ tiêu vi sinh vật (Theo TCVN 5375:1991)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Tổ số vi sinh vật hiếu khí	Khuẩn lạc/1 sản phẩm	≤ 15000
2	E. coli	Khuẩn lạc/1 sản phẩm	Không cho phép có
3	Vi khuẩn kỵ khí sinh H ₂ S	Khuẩn lạc/1 sản phẩm	Không cho phép có
4	Salmonella	Khuẩn lạc/1 sản phẩm	Không cho phép có
5	Staphylococcus aureus	Khuẩn lạc/1 sản phẩm	Không cho phép có
6	Nấm mốc	Khuẩn lạc/1 sản phẩm	Không cho phép có
7	Nấm men	Khuẩn lạc/1 sản phẩm	≤ 1000

4.6 Dư lượng thuốc thú y (Theo Thông tư 18/2024/TT-BNNPTNT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
1	Chloramphenicol	$\mu\text{g/kg}$	Không được có

4.7 Chỉ tiêu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong sản phẩm phù hợp theo quy định tại Thông tư 50/2016/TT-BYT – Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất số: TCCS 01:2026/HTXNLPT

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT



ĐỖ KỲ NAM

MẪU THÔNG TIN TRÊN NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

(Kèm theo Bản tự công bố số: 01/HTXNLPT/2026)

NHÃN DỰ THẢO

Mật ong

Thành phần: Mật ong hoa nhãn (100%)

Hướng dẫn sử dụng: Chế biến thực phẩm như nướng gà, quay vịt, nướng thịt cá, chế biến bánh kẹo, đồ uống như nước cam, nước chanh, sinh tố.

Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng các sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng hoặc quá hạn sử dụng

NSX:

HSD: 24 tháng kể từ NSX

Xuất xứ: Việt Nam

Khối lượng tịnh: 500ml; 1L

TCB: 01/HTXNLPT/2026

TCCS 01:2026/HTXNLPT

Sản xuất tại: Hợp tác xã Nhãn lồng Phương Thượng

Địa chỉ: Thôn Phương Thượng, Xã Tân Hưng, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0912.699.378

050
HỢP
NH
HƯ
1/2 1/2

**HỢP TÁC XÃ NHÂN LÒNG
PHƯƠNG THƯỢNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2026/QĐ-TCCS

Hung Yên, ngày 19 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố tiêu chuẩn cơ sở

HỢP TÁC XÃ NHÂN LÒNG PHƯƠNG THƯỢNG

Căn cứ Luật số 68/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006 của Quốc Hội về Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Luật số 70/2025/QH15 ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định 22/2026/NĐ-CP ban hành ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư 13/2026/TT-BKHCN ban hành ngày 09 tháng 04 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định chi tiết xây dựng và áp dụng Tiêu chuẩn;

Căn cứ vào nhu cầu hoạt động sản xuất và kinh doanh của Hợp tác xã Nhân lòng Phương Thượng

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố 01 Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) sau đây:

TCCS 01:2026/HTXNLPT

Mật ong

Điều 2. Bộ phận kỹ thuật có trách nhiệm tổ chức triển khai và theo dõi việc áp dụng tiêu chuẩn cơ sở này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- Như Điều 2,

- Lưu: VT

